

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 03/08/22 - AH ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Công ty TNHH An Hưng về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH An Hưng, địa chỉ tại Lô E, đường số 4, Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất khăn giấy, giấy vệ sinh công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm địa chỉ tại Lô E, đường số 4, Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất khăn giấy, giấy vệ sinh công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E, đường số 4, Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3700332704 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2000, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 4 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3700332704.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất giấy (sản xuất khăn giấy, giấy cuộn vệ sinh trắng (phôi giấy) và giấy vệ sinh thường); sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 10.000 m².
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: Khăn giấy rút 1.800 tấn/năm; giấy cuộn vệ sinh trắng (phôi giấy) 1.100 tấn/năm và giấy vệ sinh thường 2.100 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Được phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH An Hưng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH An Hưng có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày tháng năm 2022 đến ngày tháng năm 2029).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất số 127/GXN-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (bao gồm Thông báo số 17/TB-BTNMT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kéo dài thời hạn hiệu lực của

Giấy phép môi trường thành phần là giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất của Công ty TNHH An Hưng) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Dương (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan);
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Ban Quản lý các KCN Bình Dương;
- Công ty Cổ phần TM-SX-XD Hưng Thịnh;
- Cổng Thông tin một cửa quốc gia;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH An Hưng;
- Lưu: VT, TCMT, Th13.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng An, không xả thải trực tiếp ra môi trường).

- Đã có thoả thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng An theo các văn bản đã ký với Công ty Cổ phần TM-SX-XD Hưng Thịnh (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đồng An và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung), bao gồm: Hợp đồng xử lý nước thải số 0320/HĐ-NT ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Biên bản xác nhận đầu nối số 01/BBDN-2022 ngày 03 tháng 01 năm 2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng (01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 10 m³) được thu gom về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh công nhân khu vực xử lý nước thải (01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 10 m³/bể) được thu gom về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy để xử lý.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực xeo giấy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước xả đáy lò hơi, máy ép bột giấy, bể lưu giữ bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp được thu gom về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa ngược thiết bị làm mềm nước lò hơi được thu về bể đập bụi ướt của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải (nước thải từ các nguồn nước thải sinh hoạt, sản xuất) → Hồ gom → Bể điều hòa → Bể DAF → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng (30% lượng nước thải sau bể lắng được tái sử dụng cho sản xuất) → Điểm đầu nối vào hệ thống

thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng An để tiếp tục xử lý (tọa độ điểm đầu nổi nước thải: X = 1205102,909 và Y = 606503,321).

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Polymer Cation, Polymer Anion (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng An).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Công ty bố trí 04 bể, dung tích 50 m³/bể trong nhà xưởng số 01 lưu chứa nước thải trong thời gian khắc phục sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Thành lập đội ứng phó sự cố môi trường, ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường và niêm yết tại khu vực hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

- Phối hợp với chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đồng An kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi:

+ Nhân viên kỹ thuật của chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đồng An hàng ngày lấy mẫu đột xuất tại hố ga đầu nổi để phân tích.

+ Khi chất lượng nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn đầu nổi, chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đồng An lập biên bản yêu cầu Công ty khắc phục sự cố. Công ty sẽ dừng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố. Trong thời gian khắc phục, nước thải được lưu chứa trong 04 bể, dung tích 50 m³/bể trong nhà xưởng số 01.

+ Sau khi hoàn thành khắc phục sự cố sẽ có văn bản thông báo cho chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đồng An.

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắt nghẽn.

+ Định kỳ kiểm tra bơm định lượng và vệ sinh màng bơm.

+ Nhân viên vận hành có trình độ để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải của nhà máy:

- Nhân viên làm việc trực tiếp trong khu vực xử lý nước thải phát hiện sự cố.

- Thông báo tình huống khẩn cấp cho bộ phận liên quan trong khu vực xử lý nước thải theo quy trình thông báo tin khẩn cấp, yêu cầu nhân viên thực hiện đúng theo quy trình ứng cứu sự cố.

- Thông báo cho chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đồng An.

- Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và thông báo cho bộ phận sản xuất ngừng sản xuất.

- Bộ phận chuyên môn bảo trì tiến hành khắc phục, sửa chữa công đoạn gặp sự cố, mở van bơm nước thải về 04 bể, dung tích 50 m³/bể trong nhà xưởng số 01.

- Kiểm tra các thông số vận hành liên tục để làm căn cứ xem xét sự cố đã được khắc phục hay chưa.

- Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành mở van bơm nước thải từ bể sự cố về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (cơ sở đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của nhà máy đảm bảo đạt quy chuẩn đầu nổi, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đồng An, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng An để tiếp tục xử lý.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 12 tấn hơi/giờ (đốt than đá), lưu lượng 26.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn hơi/giờ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1205107,643; Y = 606477,643.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

- Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 26.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p = 0,9 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	450		
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		
4	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	900		
5	Bụi chứa silic	mg/Nm ³	45		
6	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	45		
7	Antimon và hợp chất (tính theo Sb)	mg/Nm ³	9		
8	Clo	mg/Nm ³	9		
9	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	45		
10	Flo, HF, hoặc các hợp chất vô cơ của Flo, tính theo HF	mg/Nm ³	18		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
11	Hydrro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	6,75		
12	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ (tính theo SO ₃)	mg/Nm ³	45		
13	Hơi HNO ₃ (các nguồn khác), tính theo NO ₂	mg/Nm ³	450		
14	Asen và các hợp chất (tính theo As)	mg/Nm ³	9		
15	Cadimi và hợp chất (tính theo Cd)	mg/Nm ³	4,5		
16	Chì và hợp chất (tính theo Pb)	mg/Nm ³	4,5		
17	Đồng và hợp chất (tính theo Cu)	mg/Nm ³	9		
18	Kẽm và hợp chất (tính theo Zn)	mg/Nm ³	27		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ bụi, khí thải công nghiệp để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 01 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi đốt than (12 tấn hơi/giờ) → Bộ hâm nước → Bộ sấy khí → Ống thu gom → Cyclon → Quạt hút → Bể khử bụi ướt (bổ sung dung dịch NaOH 5%) → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 26.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thành lập đội ứng phó sự cố môi trường, ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường và niêm yết tại khu vực lò hơi.

- Nhân viên làm việc trực tiếp trong khu vực xử lý khí thải phát hiện sự cố; Báo cáo đội ứng phó sự cố môi trường của Công ty về tình hình sự cố khí thải rò rỉ hiện tại.

- Dừng hoạt động lò hơi và dừng hoạt động sản xuất tại công đoạn xeo.
- Bộ phận chuyên môn bảo trì tiến hành khắc phục; sau khi kết quả lấy mẫu khí thải lò hơi đạt tiêu chuẩn, tiến hành sản xuất lại.
- Khi xác định sự cố vượt tầm kiểm soát, xử lý, người điều hành trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, kể ngày được cấp Giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải số 01 công suất 26.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí.

Trên 01 ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào (nếu có) và mẫu tổ hợp đầu ra);

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực 01 lò hơi.
- Nguồn số 02: Khu vực dây chuyền xeo nhà xưởng số 01.
- Nguồn số 03: Khu vực dây chuyền xeo nhà xưởng số 02.
- Nguồn số 04: Khu vực nghiền thủy lực nhà xưởng số 01
- Nguồn số 05: Khu vực nghiền thủy lực nhà xưởng số 02.
- Nguồn số 06: Khu vực sản xuất giấy cuộn nhỏ.
- Nguồn số 07: Khu vực sản xuất giấy cuộn lớn.
- Nguồn số 08: Khu vực sản xuất khăn giấy rút.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Tọa độ: X= 1205117,779; Y= 606458,888.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X=1205082,274; Y=606477,11.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X= 1205039,936; Y= 606452,135.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X=1205071,172; Y=606489,833.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X= 1205033,251; Y= 606462,089.
- Nguồn số 06: Tọa độ: X=1205095,444; Y= 606465,173.
- Nguồn số 07: Tọa độ: X= 1205025,482; Y= 606437,449.
- Nguồn số 08: Tọa độ: X=1205083,798; Y= 606455,244.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Các máy móc thiết bị được lắp đặt đệm cao su để giảm ồn và chống rung.

1.2. Bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ và sửa chữa khi cần thiết (thay dầu bôi trơn các máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới máy móc thiết bị).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI
LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU:

1. Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu của từng năm (chu kỳ 12 tháng) trong 02 năm (24 tháng) kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu (tấn/năm)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ	4707.20.00	4.362

2. Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu của từng năm (chu kỳ 12 tháng) sau 02 năm (24 tháng) kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu (tấn/năm)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ	4707.20.00	3.877

3. Yêu cầu Công ty thực hiện đúng nội dung đã cam kết, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bảo đảm khối lượng phế liệu giấy nhập khẩu (tính từ thời điểm bắt đầu nhập khẩu theo Thông báo số 17/TB-BTNMT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kéo dài thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường thành phần là giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất của Công ty TNHH An Hưng đến thời điểm Giấy phép môi trường này có hiệu lực) không được vượt quá 3.178 tấn (trên tổng khối lượng 5.000 tấn đã được cấp theo Thông báo số 17/TB-BTNMT).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT:**1. Hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu:****1.1. Loại phế liệu sử dụng:**

Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ.

1.2. Tóm tắt quy trình công nghệ trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu:

- Quy trình công nghệ: Nguyên liệu (bột giấy 20%, giấy phế liệu nhập khẩu 80%) → Nghiền thủy lực → Bồn chứa bột → Nghiền đĩa → Bể chứa bột → Thùng điều chỉnh định lượng → Bơm đẩy → Xeo giấy → Giấy cuộn → San cắt cuộn (bán thành phẩm).

+ Dòng sản phẩm thứ 1: Bán thành phẩm → Đóng gói → Giấy cuộn thành phẩm (phôi giấy).

+ Dòng sản phẩm thứ 2: Bán thành phẩm → Tạo khăn rút → Cắt → Đóng gói → Khăn giấy thành phẩm.

+ Dòng sản phẩm thứ 3: Bán thành phẩm → Sản xuất giấy vệ sinh → Cắt → Đóng gói → Giấy vệ sinh thường thành phẩm.

- Công suất thiết kế:

+ Dây chuyền sản xuất giấy bán thành phẩm (phôi giấy): 03 dây chuyền; tổng công suất thiết kế 5.040 tấn/năm.

+ Dây chuyền sản xuất giấy vệ sinh thường: 03 dây chuyền sản xuất giấy cuộn nhỏ và 02 dây chuyền sản xuất giấy cuộn lớn Jumbo; tổng công suất 2.100 tấn/năm. Trong đó: Dây chuyền sản xuất giấy cuộn nhỏ: 03 dây chuyền, công suất 1 tấn/ngày/dây chuyền; Dây chuyền sản xuất giấy cuộn lớn Jumbo: 02 dây chuyền, công suất 2 tấn/ngày/dây chuyền.

+ Dây chuyền sản xuất khăn giấy rút: 03 dây chuyền, công suất 2 tấn/ngày/dây chuyền; tổng công suất 1.800 tấn/năm.

- Hệ số hao hụt (giấy phế liệu và bột giấy): 1,2116.

- Sản phẩm (tấn/năm): Giấy cuộn vệ sinh trắng (phôi giấy): 1.100 tấn/năm, giấy vệ sinh thường: 2.100 tấn/năm, khăn giấy rút: 1.800 tấn/năm.

2. Biện pháp, phương án xử lý các tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu:

2.1. Hệ thống, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu:

Không đầu tư hệ thống xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu.

2.2. Phương án chuyển giao, xử lý các tạp chất:

Đã ký các hợp đồng và chuyển giao tạp chất đi kèm theo phế liệu nhập khẩu cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu đối với kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

3.1. Diện tích kho lưu giữ:

- Khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu số 01 trong nhà xưởng số 01 có diện tích 127,4 m².

- Khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu số 02 trong nhà xưởng số 01 có diện tích 81,9 m².

- Khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu số 03 trong nhà xưởng số 01 có diện tích 152,5 m².

- Khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu số 04 trong nhà xưởng số 02 có diện tích 145,6 m².

3.2. Thiết kế, cấu tạo kho lưu giữ:

Nhà xưởng số 01 và số 02 có nền bê tông chống thấm, có gờ vát chống tràn ở vị trí cửa ra vào của nhà xưởng ngăn ngừa nước mưa chảy tràn; mái lợp tôn; có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy. Các khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu trong các nhà xưởng số 01 và 02 có sàn bảo đảm kín khít, chống thấm, chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán; có thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

3.3. Vật liệu làm tường và vách ngăn:

Tường xây bằng gạch.

3.4. Biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong:

Nhà xưởng số 01 và 02 có tường xây bằng gạch; nhà xưởng số 01 (08 cửa có kích thước 4,8 m x 4,6 m, 01 cửa có kích thước 3,3 m x 2,8 m), nhà xưởng số 02 (08 cửa có kích thước 4,76 m x 4,85 m, 01 cửa có kích thước 4,1 m x 2,8 m), các cửa chính đầu cuối 02 nhà xưởng có cửa đẩy kín, các cửa bên hông nhà xưởng để thoáng; mái lợp tôn.

3.5. Hệ thống thu gom nước mưa:

Hệ thống máng thu gom nước mưa chảy từ mái nhà xưởng thông qua hệ thống đường ống thu gom nước mưa bằng nhựa đường kính 90 mm âm tường từ mái các nhà xưởng vào hệ thống cống thu gom nước mưa xung quanh nhà xưởng có đường kính 300 mm.

3.6. Hệ thống thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh:

Phế liệu nhập khẩu lưu giữ tại các khu vực lưu giữ phế liệu trong nhà xưởng số 01 và 02 là phế liệu sạch, không phát sinh nước thải.

3.7. Khả năng lưu giữ tối đa:

- Khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu số 01 có khả năng lưu giữ tối đa 203 tấn.
- Khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu số 02 có khả năng lưu giữ tối đa 131 tấn.
- Khu vực lưu giữ phế liệu số nhập khẩu 03 có khả năng lưu giữ tối đa 244 tấn.
- Khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu số 04 có khả năng lưu giữ tối đa 233 tấn.

4. Yêu cầu đối với bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

Không có bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu.

5. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

5.1. Chỉ được phép nhập khẩu khối lượng phế liệu đảm bảo sức chứa của các khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu; chỉ được sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở; nhập khẩu đúng chủng loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu quy định trong Phần A Phụ lục này.

5.2. Phế liệu nhập khẩu phải đáp ứng QCVN 33:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

5.3. Phải tái xuất đối với những lô hàng phế liệu nhập khẩu không đáp ứng QCVN 33:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Trường hợp không thể tái xuất, phải thỏa thuận với đơn vị có đủ năng lực để xử lý, tiêu hủy chất thải, phế liệu vi phạm theo quy định pháp luật.

5.4. Các khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu trong các nhà xưởng số 01 và 02 phải có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ phế liệu được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; sàn bảo đảm kín, chống thấm, chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

5.5. Phân định, phân loại chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu nhập khẩu để có phương án xử lý chất thải phù hợp.

Phụ lục 5**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	80
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	50
3	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	48
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	84
5	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	5
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	6
7	Ắc quy chì thải	19 06 01	20
8	Pin	19 06 05	1
9	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải (Cặn thải từ quá trình xử lý khí thải)	04 02 03	100
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		394

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Tro và xỉ than	564
2	Dây kẽm buộc phế liệu	50
3	Lõi giấy phế liệu	200
4	Bao bì nylon thải (đầu thừa trong bao gói sản phẩm sau sản xuất)	0,5
5	Bột giấy thu hồi từ bể DAF của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy	496
6	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	0,9
7	Nhựa trao đổi ion đã bão hòa hay đã qua sử dụng	0,2
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	1.311,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	34
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	34

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Thùng có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho: 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có nền bê tông, tường gạch bao xung quanh, mái lợp tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Khu lưu giữ tro và xỉ than:

- Diện tích: 33,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu giữ có nền bê tông, không rạn nứt, nền cao 0,3 m so với mặt đường, có gờ vát để ngăn ngừa nước mưa chảy tràn; tường lửng bao quanh 3 mặt có gắn tôn phía trên, một mặt thoáng thuận tiện chuyên giao chất thải đi xử lý; mái lợp tôn; có hệ thống máng và đường ống thu gom nước mưa từ mái khu lưu giữ vào hệ thống cống thu gom nước mưa.

2.2.2. Khu lưu giữ dây kẽm buộc phế liệu:

- Diện tích: 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu giữ dây kẽm buộc phế liệu có nền bê tông, có gờ cao khoảng 0,3 m ở cửa ra vào ngăn ngừa nước mưa chảy tràn; tường cao khoảng 1,5 m bao quanh 3 mặt, phía trên là tôn nối liền lên mái; mái lợp tôn.

2.2.3. Khu lưu giữ lõi giấy phế liệu và bao bì nilon thải (đầu thừa trong bao gói sản phẩm sau sản xuất):

- Diện tích: 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu giữ lõi giấy phế liệu và bao bì nilon thải (đầu thừa trong bao gói sản phẩm sau sản xuất) có nền bê tông, không rạn nứt, nền cao 0,3 m so với mặt đường; mái lợp tôn.

2.2.4. Bể lưu giữ tạm thời bột giấy thu hồi từ bể DAF của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy:

- Thể tích: 14,72 m³.

- Thiết kế, cấu tạo: Bể lưu giữ tạm thời bột giấy thu hồi từ bể DAF của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy bằng inox.

2.2.5. Khu ép đóng bao và lưu giữ bột giấy thu hồi từ bể DAF của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy:

- Diện tích: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu ép đóng bao và lưu giữ bột giấy thu hồi từ bể DAF của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy có nền bê tông, không rạn nứt, nền cao 0,3 m so với mặt đường, có gờ cao 0,3 m tránh tràn nước rò rỉ từ khu vực ép đóng bao vào đường nội bộ; có rãnh thu gom nước thải sau ép bột giấy về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy; mái lợp tôn.

2.2.6. Bể lưu giữ bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp:

- Thể tích: 9,6 m³.

- Thiết kế, cấu tạo: Bể lưu giữ bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp xây bằng bê tông, lót mền thấm thấu nước thải để thu gom đưa về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

2.3. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thùng nhựa có nắp đậy.

- Số lượng: 03 thùng dung tích 120 lít/thùng đặt xung quanh nhà xưởng và khu văn phòng; 01 thùng dung tích 240 lít đặt tại khu vực lò hơi.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 6**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường được phê duyệt tại: Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất khăn giấy, giấy vệ sinh công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH An Hưng; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Nhà máy sản xuất khăn giấy, giấy vệ sinh công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm số 2709/GXN-STNMT ngày 23 tháng 8 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. Đã hoàn thành cải tạo hệ thống xử lý nước thải cục bộ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần thương mại - sản xuất - xây dựng Hưng Thịnh (chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Đồng An) và được Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương xác nhận đã hoàn thành lắp đặt tại Công văn số 3679/BQL-MT ngày 11 tháng 8 năm 2022; đã tháo dỡ 02 lò hơi được phê duyệt tại Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, được sự chấp thuận về chủ trương của Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương tại Công văn số 2118/BQL-MT ngày 08 tháng 7 năm 2019 để lắp đặt mới 01 lò hơi đốt than, công suất 12 tấn hơi/giờ cùng hệ thống xử lý khí thải đi kèm và được Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương xác nhận đã hoàn thành lắp đặt tại Công văn số 3679/BQL-MT ngày 11 tháng 8 năm 2022.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.